

Số: **884** /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày **16** tháng **9** năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân năm học 2019 - 2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 809/QĐ-MĐC ngày 14/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 360/QĐ-MĐC ngày 09/4/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 832/QĐ-MĐC ngày 27/6/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-MĐC ngày 30/6/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định Chế độ làm việc đối với viên chức giảng dạy và Quy định đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân;

Căn cứ Quyết định số 779/QĐ-MĐC ngày 14/6/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định chế độ làm việc đối với viên chức giảng dạy;

Căn cứ Kết luận cuộc họp của Hội đồng đánh giá, phân loại và thi đua, khen thưởng năm học 2019 - 2020 ngày 01/9/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân năm học 2019 - 2020 gồm các cá nhân và đơn vị có tên trong danh sách kèm theo.



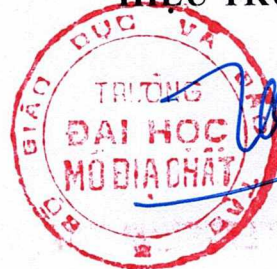
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông/bà Trưởng Phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các cán bộ có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 (để thực hiện);
- Các Phó Hiệu trưởng (để p/hợp chỉ đạo);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, TCCB₍₆₎.

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Trần Thanh Hải





KẾT QUẢ PHÂN LOẠI, ĐÁNH GIÁ TẬP THỂ NĂM HỌC 2019 - 2020

(Kèm theo Quyết định số 884/QĐ-MĐC ngày 16 tháng 9 năm 2020) của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

TT	Đơn vị	Mức phân loại, đánh giá năm học
1	Phòng ĐTDH	A+
2	Trạm Y tế	A+
3	TTDV	B+
4	P. KHTC	A+
5	Phòng Xuất Bản	A
6	TT NNTH	A
7	Phòng ĐT SDH	A+
8	Văn phòng Chương trình tiên tiến	B+
9	HCTH	A+
10	Ban QLCDA	A+
11	P. HTQT	A+
12	Phòng CSVC	A
13	Phòng Tổ chức Cán bộ	A+
14	P. QHCC&DN	A
15	TTTT-TV	A+
16	Phòng Đảm bảo CLGD	A+
17	TT Phân tích, TN công nghệ cao	A
18	Phòng CTCTSV	A+
19	Văn phòng Đảng - Đoàn thể	A+
20	P.KHCN	A+
21	Khoa Môi trường	A+
	Bộ môn Địa sinh thái và Công nghệ môi trường	A+
	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường	A+
	Bộ môn Môi trường cơ sở	A
22	Khoa Kinh tế - QTKD	A+
	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A+
	Bộ môn Kinh tế cơ sở	A+
	Bộ môn QTKD Địa chất - Dầu khí	A+
	Bộ môn QTKD Mỏ	A+
23	Khoa KHCB	B
	Bộ môn Cơ lý thuyết	A+
	Bộ môn Giáo dục thể chất	A+
	Bộ môn Hình họa	A
	Bộ môn Hóa	A+
	Bộ môn Ngoại ngữ	A+
	Bộ môn Toán	B
	Bộ môn Vật lý	A+
24	Khoa KH&KTĐC	A+
	Bộ môn Địa chất	A
	Bộ môn Địa chất công trình	A+
	Bộ môn Địa chất Thủy văn	A+
	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa	A+
	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	A+
	Bảo tàng địa chất	B+
25	Khoa Giáo dục QP	A+

	Bộ môn Đường lối quân sự	A+
	Bộ môn Kỹ thuật quân sự	A+
26	Khoa Xây dựng	A+
	Bộ môn Kỹ thuật Xây dựng	A+
	Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ	A+
	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở	A+
27	Khoa Trắc địa-BĐ&QLDD	A+
	Bộ môn Bản đồ	A
	Bộ môn Địa chính	A+
	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám	A+
	Bộ môn Trắc địa Cao cấp	A+
	Bộ môn Trắc địa Công trình	A+
	Bộ môn Trắc địa Mỏ	A+
	Bộ môn Trắc địa Phổ thông	A
	Tổ máy trắc địa	A+
28	Khoa Mỏ	A+
	Bộ môn Khai thác hầm lò	A+
	Bộ môn Khai thác lộ thiên	A+
	Bộ môn Sức bền vật liệu	A+
	Bộ môn Tuyển khoáng	A+
29	Khoa LLCT	A+
	Bộ môn Kinh tế chính trị và Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam	A+
	Bộ môn Triết học và Pháp luật	A+
	Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và Chủ nghĩa xã hội khoa học	A+
30	Khoa Dầu khí	A+
	Bộ môn Địa chất dầu	A+
	Bộ môn Địa vật lý	A+
	Bộ môn Khoan - Khai thác	A+
	Bộ môn Lọc hóa dầu	A+
	Bộ môn Thiết bị dầu khí và công trình	A+
31	Khoa Cơ - Điện	B
	Bộ môn Điện khí hóa	A+
	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	A+
	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử	A+
	Bộ môn Máy và Thiết bị Công nghiệp	A+
	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ và Dầu khí	B
	Xưởng Cơ	B+
32	Khoa CNTT	A+
	Bộ môn Công nghệ phần mềm	A+
	Bộ môn Hệ thống thông tin và tri thức	A+
	Bộ môn Khoa học máy tính	A+
	Bộ môn Mạng máy tính	A+
	Bộ môn Tin học Địa chất	A
	Bộ môn Tin học Kinh tế	A+
	Bộ môn Tin học Trắc địa	A+
	Phòng Thí nghiệm Địa Tin học	A+

KẾT QUẢ PHÂN LOẠI, ĐÁNH GIÁ CÁ NHÂN NĂM HỌC 2019 - 2020

(Kèm theo Quyết định số 884 /QĐ-MĐC ngày 16 tháng 9 năm 2020) của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở - Địa chất

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức phân loại, đánh giá năm học 2019 -
A	Nhóm chuyên viên VP Khoa		
1	Hà Thị Hiền	Văn phòng khoa KHCB	B+
2	Hồ Thanh Bình	Văn phòng khoa KH&KTĐC	B
3	Phan Thị Thùy Dương	Văn phòng khoa KH&KTĐC	A
4	Phạm Thị Châu Giang	Văn phòng Khoa Kinh tế	A
5	Nguyễn Thị Thu Dung	Văn phòng Khoa Kinh tế	A
6	Nguyễn Thị Liên	Văn phòng Khoa Cơ điện	A+
7	Đào Thị Hiền	Văn phòng Khoa Cơ điện	A
8	Hoàng Thu Trang	VPK Môi trường	A+
9	Nguyễn Thị Thu Hằng	VP Khoa DK	A
10	Nguyễn Thu Thủy	VP Khoa DK	A
11	Tạ Thị Thu Hường	VP Khoa TĐBD&QLĐĐ	A+
12	Nguyễn Thị Hà	VP Khoa TĐBD&QLĐĐ	B+
13	Hoàng Thị Nga	VP Khoa Mỏ	A
14	Nguyễn Thị Tuyết Mai	VP Khoa Mỏ	A+
15	Nguyễn Thị Hương	VP Khoa Xây dựng	A
16	Phạm Thanh Huyền	VP Khoa Xây dựng	B+
17	Nguyễn Thu Hương	VP Khoa LLCT	A+
18	Phạm Công Tú	VP Khoa GDQP	A+
19	Lê Thị Định	VP Khoa GDQP	B+
20	Nguyễn Đức Quân	VPK Khoa CNTT	B+
21	Nguyễn Thị Loan	VPK Khoa CNTT	A
B	Nhóm chuyên viên Khối phòng ban		
	Phòng Đào tạo Đại học		
22	Lại Kim Cương	Phòng ĐTĐH	A
23	Nguyễn Quốc Dũng	Phòng ĐTĐH	A
24	Nguyễn Văn Đức	Phòng ĐTĐH	A
25	Nguyễn Thị Thanh Loan	Phòng ĐTĐH	A
26	Bùi Thị Mai	Phòng ĐTĐH	A
27	Đào Duy Nam	Phòng ĐTĐH	B+
28	Phạm Thị Nguyên	Phòng ĐTĐH	A
29	Nguyễn Tuấn Thành	Phòng ĐTĐH	A+
30	Nguyễn Thị Minh Thu	Phòng ĐTĐH	A
31	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phòng ĐTĐH	A+
32	Đặng Thị Hồng Vân	Phòng ĐTĐH	A+
	Trạm Y tế		
33	Đỗ Thúy Mai	Trạm Y tế	A+
34	Nguyễn Thanh Huyền	Trạm Y tế	A
35	Bùi Thị Thanh Vân	Trạm Y tế	A
36	Nguyễn Thị Thu Thủy	Trạm Y tế	B+
37	Mai Ngọc Liên	Trạm Y tế	B+
	Trung tâm dịch vụ		

38	Đinh Hữu Khánh	TTDV	B+
39	Vũ Thế Hùng	TTDV	A
40	Nguyễn Văn Hùng	TTDV	B+
41	Nguyễn Văn Khản	TTDV	A
42	Nguyễn Xuân Thuận	TTDV	B+
43	Lê Thị Thanh Xuân	TTDV	A
44	Hà Tú Hương	TTDV	B+
45	Nguyễn Thị Hồng	TTDV	B+
46	Phan Thanh Chương	TTDV	B+
47	Phạm Thị Quy	TTDV	B+
48	Nguyễn Thị Thu	TTDV	A
49	Quách Thị Thu Phương	TTDV	KĐG
50	Đỗ Khắc Điệp	TTDV	B+
51	Nguyễn Thị Sim	TTDV	B+
52	Bùi Thị Kim Anh	TTDV	B+
53	Trần Thị Dục	TTDV	B+
54	Vũ Thị Phương Thủy	TTDV	B+
55	Nguyễn Mai Hà	TTDV	B+
56	Phạm Thị Thanh Tâm	TTDV	B+
Phòng Kế hoạch tài chính			
57	Phạm Thị Thu Thủy	P. KHTC	A+
58	Phạm Thị Phương Chi	P. KHTC	A+
59	Quách Thị Nhíp	P. KHTC	A
60	Nhâm Quỳnh Giang	P. KHTC	A
61	Trương Thị Thanh Huyền	P. KHTC	A
62	Nguyễn Thu Hà	P. KHTC	A
63	Cao Thu Hoài	P. KHTC	A+
64	Nguyễn Thị Phương Thảo	P. KHTC	B+
65	Đỗ Thủy Trà My	P. KHTC	A
66	Phạm Tuyết Mai	P. KHTC	A
Phòng Xuất bản			
67	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Phòng Xuất Bản	A
68	Võ Thị Công Chính	Phòng Xuất Bản	A
69	Trịnh Trọng An	Phòng Xuất Bản	A
Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học			
70	Vũ Thị Hoài Thu	TT NNTH	A
71	Đỗ Thị Thanh Thủy	TT NNTH	B+
72	Trần Thị Thu Hiền	TT NNTH	B+
73	Ngô Huyền Giang	TT NNTH	A
Phòng Đào tạo SDH			
74	Hà Ngọc Kiên	Phòng ĐT SDH	A
75	Hoàng T. Phương Dung	Phòng ĐT SDH	A
76	Nguyễn Thị Vân	Phòng ĐT SDH	A
77	Phạm Ngọc Hà	Phòng ĐT SDH	A+
Văn phòng Chương trình tiên tiến			
78	Phạm Quang Ba	Văn phòng Chương trình tiên tiến	B+
79	Vũ Thu Hương	Văn phòng Chương trình tiên tiến	A
80	Đỗ Thanh Dũng	Văn phòng Chương trình tiên tiến	B
Phòng Hành chính - Tổng hợp			
81	Nguyễn Thị Thu Thảo	HCTH	A+
82	Nguyễn Thị Dâng	HCTH	A+
83	Nguyễn Minh Thu	HCTH	A+

84	Nguyễn Thị Thắm	HCTH	A+
85	Trần Thị Lan Phương	HCTH	A+
86	Nguyễn Thị Chi	HCTH	A
87	Nguyễn Thị Nga	HCTH	A
88	Nguyễn Ngọc SỰ	HCTH	B+
89	Hoàng Văn Sinh	HCTH	A
90	Lý Hồng Khanh	HCTH	B+
91	Nguyễn Đức Toàn	HCTH	A
92	Phạm Trường Sơn	HCTH	B+
93	Nguyễn Quang Hải	HCTH	B+
94	Lê Hoài Nam	HCTH	B+
95	Trần Văn Huyền	HCTH	A
96	Phạm Văn Khương	HCTH	B+
97	Lưu Hữu Phước	HCTH	A
98	Dương Thành Quảng	HCTH	B+
99	Lê Đức Minh	HCTH	B+
100	Hàn Văn Tường	HCTH	B+
101	Chu Thế Mạnh	HCTH	B+
102	Lê Đức Cường	HCTH	A
103	Nguyễn Đức Năng	HCTH	A
104	Bùi Huy Văn	HCTH	A
105	Hà Ngọc Trường	HCTH	A
	Ban quản lý dự án		
106	Nguyễn Gia Khuê	Ban QLCDA	A+
107	Lại Thiên Nguyên	Ban QLCDA	A+
108	Nguyễn Tiến Dũng	Ban QLCDA	A+
109	Nguyễn Ngọc Dương	Ban QLCDA	A+
110	Nguyễn Thị Sơn	Ban QLCDA	B+
	Hợp tác quốc tế		
111	Nguyễn Thị Phương Thảo	P. HTQT	A+
	Phòng Cơ sở vật chất		
112	Huỳnh Thanh Tùng	Phòng CSVC	A
113	Nguyễn Thúy Hà	Phòng CSVC	A
114	Nguyễn Thế Tĩnh	Phòng CSVC	A
115	Nguyễn Thị Thu Hà	Phòng CSVC	A
116	Lê Tiến Dũng	Phòng CSVC	B+
117	Trần Thị Hương	Phòng CSVC	A
118	Nguyễn Duy Hiệp	Phòng CSVC	A
119	Tạ Văn Minh	Phòng CSVC	A
120	Ninh Ngọc Cương	Phòng CSVC	A
121	Nguyễn Đình Cường	Phòng CSVC	A
122	Nguyễn Thế	Phòng CSVC	A
123	Trần Thiện Căn	Phòng CSVC	B
124	Trịnh Thị Hợp	Phòng CSVC	A
125	Nguyễn Thị Thúy	Phòng CSVC	A
126	Trần Thị Thu Huyền	Phòng CSVC	A
127	Đoàn Thị Kim Quy	Phòng CSVC	B+
	Phòng Tổ chức - Cán bộ		
128	Vũ Duy Tấn	Phòng Tổ chức Cán bộ	A
129	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Phòng Tổ chức Cán bộ	A+
130	Hà Thị Liễu	Phòng Tổ chức Cán bộ	A
131	Lê Thị Thu	Phòng Tổ chức Cán bộ	A+

TỔNG HO

IAO DHA

132	Đoàn Nguyễn Thanh Hương	Phòng Tổ chức Cán bộ	A
	Phòng Quan hệ Công chúng và DN		
133	Nguyễn Kim Chung	P. QHCC&DN	A+
134	Nguyễn Chí Hiếu	P. QHCC&DN	KĐG
135	Lê Chí Phúc	P. QHCC&DN	B+
136	Nguyễn Hồng Hạnh	P. QHCC&DN	A+
137	Đoàn Thị Luyện	P. QHCC&DN	A+
138	Nguyễn Thị Biên	P. QHCC&DN	B+
139	Trần Thị Thu Trang	P. QHCC&DN	A+
140	Nguyễn Thế Anh	P. QHCC&DN	B+
141	Đặng Lê Văn	P. QHCC&DN	A
	Trung tâm TT thư viện		
142	Nguyễn Hồng Trường	TTTT-TV	A+
143	Nguyễn Thị Hai Yến	TTTT-TV	A+
144	Nguyễn Thị Thu Thủy	TTTT-TV	A
145	Hoàng Thị Thúy	TTTT-TV	A+
146	Đỗ Lệ Chi	TTTT-TV	A
147	Hoàng Thị Nga	TTTT-TV	A
148	Đỗ Thị Mừng	TTTT-TV	B+
149	Nguyễn Hữu Độ	TTTT-TV	A
150	Vũ Thị Ngọc	TTTT-TV	A
151	Đặng Ngọc Cương	TTTT-TV	A
152	Nguyễn Duy Hiếu	TTTT-TV	A
153	Phan Thị Phượng	TTTT-TV	A
154	Đào Thị Hồng Diệp	TTTT-TV	A
155	Ngô Thị Thanh Hương	TTTT-TV	B+
156	Hoàng Thị Hiền	TTTT-TV	A
157	Trần Văn Duy	TTTT-TV	A
158	Ngô Thị Hương Liên	TTTT-TV	B+
	Phòng Đảm bảo chất lượng giáo dục		
159	Dương Mai Yến	Phòng Đảm bảo CLGD	A+
160	Ngô Thái Vinh	Phòng Đảm bảo CLGD	A
161	Dương Thị Hồng Đài	Phòng Đảm bảo CLGD	A
162	Trần Văn Hiệp	Phòng Đảm bảo CLGD	A+
	TT Phân tích, TN công nghệ cao		
163	Trịnh Thế Lực	TT Phân tích, TN công nghệ cao	A+
	Phòng Công tác chính trị sinh viên		
164	Chu Thị Thúy Nga	Phòng CTCTSV	A
165	Phạm Thị Hương	Phòng CTCTSV	A
166	Đào Thị Thơm	Phòng CTCTSV	A+
167	Phan Thị Thúy	Phòng CTCTSV	A
168	Nguyễn Thùy Linh	Phòng CTCTSV	A+
169	Nguyễn Thị Hồng Vân	Phòng CTCTSV	A
170	Trương Thúy Hà	Phòng CTCTSV	A
	VP Bà Rịa VT		
171	Đồng Hữu Tiến	VP Bà Rịa VT	A+
172	Trần Thị Mai Hương	VP Bà Rịa VT	A
	Văn phòng Đảng - Đoàn thể		
173	Phạm Tổ Uyên	Văn phòng Đảng-Đoàn thể	A+
174	Đặng Thị Hằng Nga	Văn phòng Đảng-Đoàn thể	A
175	Phạm Thị Việt Nga	Văn phòng Đảng-Đoàn thể	A
	Phòng Khoa học công nghệ		

176	Nguyễn Thị Ngọc Dung	P.KHCN	A+
177	Hoàng Thu Hằng	P.KHCN	A+
178	Nguyễn Thanh Hải	P.KHCN	A
179	Phạm Đức Nghiệp	P.KHCN	A
C	Khối Kỹ sư		
180	Phạm Thị Thanh Hải	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	A+
181	Kiều Thị Vân Anh	BM ĐCTV	A+
182	Phạm Thị Ngọc Hà	Bộ môn ĐCCT	A+
183	Phùng Hữu Hải	Bộ môn ĐCCT	A
184	Hà Thành Như	Khoáng Thạch và ĐH	A
185	Bùi Thị Thu Hiền	BM Địa chất	A
186	Vũ Thị Hiền	BTĐC	B+
187	Trần Thị Khánh Vân	Phòng Thực nghiệm	B+
188	Lê Thị Hồng Thắng	Bộ môn Máy &TBCN	A+
189	Hà Văn Thủy	Xưởng cơ điện	A
190	Đặng Viết Khuê	Xưởng cơ điện	B+
191	Chu Mạnh Cường	Xưởng cơ điện	B+
192	Lê T. Hồng Diệp	Xưởng cơ điện	B+
193	Đào Thị Thủy	Bộ môn Điện khí hóa	A
194	Phan Thị Mai Phương	Tự động hóa	A+
195	Nguyễn Thị Thu Huyền	BM Kỹ thuật môi trường	B+
196	Trần Văn Hữu	ĐVL	B+
197	Vũ Cúc Phương	TBDK&CT	B+
198	Trần Ngọc Tuấn	LHD	B+
199	Lê Văn Nam	KKT	A+
200	Nguyễn Văn Vinh	KKT	A
201	Nguyễn Danh Đức	BM Bản đồ	A+
202	Nguyễn Thị Hiền	Địa chính	B
203	Trương Minh Hùng	Trắc địa phổ thông và sai số	A+
204	Trần Anh Tuấn	Trắc địa phổ thông và sai số	A+
205	Nguyễn Thế Hiệp	Tổ máy trắc địa	A+
206	Nguyễn Quang Thắng	Tổ máy trắc địa	A
207	Nguyễn Thị Mến	Tổ máy trắc địa	A+
208	Cù Thị Thu Hà	Tổ máy trắc địa	A
209	Đoàn Thị Nam Phương	Đo ảnh & viễn thám	B
210	Lê Việt Hà	TK	A+
211	Nguyễn Nam Hòa	SBVL	B+
212	Đinh Thị Thanh Nhân	KTHL	A+
213	Nhữ Văn Phúc	KTLT	B
214	Lê Thị Hải	KTLT	B+
215	Phạm Thị Yến	XD CTN&M	B+
216	Ngô Thị Hương Trang	XD HTCS	A
217	Bùi Thị Ánh Nguyệt	Tin học Địa chất	A
218	Trần Thị Như Hoa	HTTT&TT	A
219	Diêm Thị Thùy	Tin Trắc địa	B+
220	Nguyễn Thị Phần	Tin Trắc địa	B+
221	Phạm Hữu Lợi	Phòng TN ĐTH	A+
222	Đào Thị Hồng Thắm	Phòng TN ĐTH	A
223	Trần Thị Hải Vân	Phòng TN ĐTH	A+
224	Đào Thị Tuyết	Mạng máy tính	A
225	Vũ Thị Kim Liên	Tin học kinh tế	A+
226	Phạm Thị Hải Vân	CNPM	B+

KẾT QUẢ PHÂN LOẠI, ĐÁNH GIÁ CÁ NHÂN NĂM HỌC 2019 - 2020

(Kèm theo Quyết định số 884/QĐ-MĐC ngày 16 tháng 9 năm 2020) của Hiệu trưởng
Trường Đại học Mở - Địa chất)

TT	Mã giảng viên	Họ và tên	Đơn vị quản lý	Mức phân loại đánh giá năm học 2019 - 2020
1	0408-13	Đỗ Văn Bình	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT	A+
2	0408-03	Trần Thị Kim Hà	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT	B+
3	0408-10	Nguyễn Quang Minh	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT	B+
4	0408-14	Vũ Thị Phương Thảo	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT	A
5	0408-06	Trần Thị Thu Hương	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT	A+
6	0408-05	Phạm Khánh Huy	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT	A
7	0408-08	Trần Thị Thanh Thủy	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT	A
8	0408-11	Đỗ Thị Hải	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT	A+
9	0408-07	Nguyễn Mai Hoa	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT	A
10	0408-09	Đỗ Cao Cường	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT	A
11	0408-12	Trần Anh Quân	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT	A+
12	0408-02	Đào Đình Thuận	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường	A+
13	0302-08	Phan Quang Văn	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường	A+
14	0103-15	Nguyễn Hoàng Nam	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường	A+
15	1103-04	Đặng Thị Ngọc Thủy	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường	B+
16	1103-05	Đào Trung Thành	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường	A
17	1103-06	Nguyễn Thị Hòa	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường	A
18	1103-07	Nguyễn Thị Hồng	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường	B+
19	1103-09	Nguyễn Phương Đông	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường	A+
20	1103-10	Trần Thị Ngọc	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường	A
21	0402-01	Nguyễn Phương	Bộ môn Môi trường cơ sở	A+
22	0403-09	Đỗ Văn Nhuận	Bộ môn Môi trường cơ sở	B+
23	0601-06	Nguyễn Văn Dũng	Bộ môn Môi trường cơ sở	A+
24	1101-03	Nguyễn Quốc Phi	Bộ môn Môi trường cơ sở	A+
25	0103-02	Hoàng Thị Chung	Bộ môn Môi trường cơ sở	B
26	0407-06	Nguyễn Văn Bình	Bộ môn Môi trường cơ sở	A+
27	0402-12	Nguyễn Thị Cúc	Bộ môn Môi trường cơ sở	A
28	1101-09	Vũ Thị Lan Anh	Bộ môn Môi trường cơ sở	A+
29	1101-08	Phan Thị Mai Hoa	Bộ môn Môi trường cơ sở	A
30	0704-01	Nguyễn Duy Lạc	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A+
31	0704-02	Bùi Thị Thu Thủy	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A+
32	0704-03	Nguyễn Thị Bích Phượng	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A+

33	0704-04	Nguyễn Thị Kim Oanh	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A+
34	0704-05	Phí Thị Kim Thu	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A+
35	0704-07	Phạm Thị Hồng Hạnh	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A+
36	0704-06	Lưu Thị Thu Hà	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A+
37	0704-08	Nguyễn Tiến Hưng	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A+
38	0902-09	Phạm Minh Hải	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A
39	0704-11	Dương Thị Nhân	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A+
40	0704-10	Phạm Thu Hương	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A+
41	0704-14	Hoàng Thị Thủy	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A
42	0704-16	Lê Thị Thu Hồng	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A
43	0704-13	Nguyễn Thị Minh Thu	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A+
44	0704-17	Nguyễn Thị Huyền Trang	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A+
45	0704-19	Phan Minh QUang	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A+
46	0702-02	Nguyễn Văn Bưởi	Bộ môn Kinh tế cơ sở	A+
47	0701-02	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Bộ môn Kinh tế cơ sở	A+
48	0701-03	Nguyễn Thị Hồng Loan	Bộ môn Kinh tế cơ sở	A+
49	0701-05	Phí Mạnh Cường	Bộ môn Kinh tế cơ sở	A+
50	0701-04	Trần Anh Dũng	Bộ môn Kinh tế cơ sở	A
51	0701-06	Vũ Diệp Anh	Bộ môn Kinh tế cơ sở	A+
52	0701-07	Phạm Thu Trang	Bộ môn Kinh tế cơ sở	A
53	0701-10	Nguyễn Thanh Thảo	Bộ môn Kinh tế cơ sở	A
54	0701-09	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Bộ môn Kinh tế cơ sở	A+
55	0701-08	Vũ Thị Hiền	Bộ môn Kinh tế cơ sở	A
56	0703-02	Đỗ Hữu Tùng	Bộ môn QTKD Địa chất - Dầu khí	A+
57	0703-03	Phan Thị Thái	Bộ môn QTKD Địa chất - Dầu khí	A+
58	0703-04	Nguyễn Thị Kim Ngân	Bộ môn QTKD Địa chất - Dầu khí	A+
59	0703-05	Nguyễn Thanh Thủy	Bộ môn QTKD Địa chất - Dầu khí	A+
60	0703-07	Lê Minh Thống	Bộ môn QTKD Địa chất - Dầu khí	A+
61	0703-09	Nguyễn Thu Hà	Bộ môn QTKD Địa chất - Dầu khí	A
62	0703-08	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	Bộ môn QTKD Địa chất - Dầu khí	A+
63	0703-10	Phạm Ngọc Tuấn	Bộ môn QTKD Địa chất - Dầu khí	A
64	0702-01	Đặng Huy Thái	Bộ môn QTKD Mỏ	A
65	0702-03	Đào Anh Tuấn	Bộ môn QTKD Mỏ	A+
66	0702-04	Nguyễn Thị Hoài Nga	Bộ môn QTKD Mỏ	A+
67	0702-05	Đồng Thị Bích	Bộ môn QTKD Mỏ	A+
68	0702-06	Nguyễn Ngọc Khánh	Bộ môn QTKD Mỏ	A+
69	0702-07	Lê Thị Thu Hường	Bộ môn QTKD Mỏ	A
70	0702-09	Phan Thị Thùy Linh	Bộ môn QTKD Mỏ	A
71	0702-10	Nguyễn Đức Thắng	Bộ môn QTKD Mỏ	A+
72	0702-12	Lê Đình Chiêu	Bộ môn QTKD Mỏ	A+

73	0702-11	Nguyễn Thị Hương	Bộ môn QTKD Mỏ	A
74	0702-13	Phạm Kiên Trung	Bộ môn QTKD Mỏ	A+
75	0702-14	Nguyễn Văn Thương	Bộ môn QTKD Mỏ	A
76	0702-15	Lê Văn Chiến	Bộ môn QTKD Mỏ	A+
77	0105-01	Trần Đình Sơn	Bộ môn Cơ lý thuyết	A
78	0105-03	Trần Thị Trâm	Bộ môn Cơ lý thuyết	B+
79	0105-07	Bùi Thị Thúy	Bộ môn Cơ lý thuyết	A
80	0105-09	Phạm Ngọc Chung	Bộ môn Cơ lý thuyết	A+
81	0105-10	Đinh Công Đạt	Bộ môn Cơ lý thuyết	A
82	0107-02	Nguyễn Quang Huy	Bộ môn Giáo dục thể chất	A
83	0107-05	Thái Việt Hưng	Bộ môn Giáo dục thể chất	A
84	0107-08	Lương Anh Hùng	Bộ môn Giáo dục thể chất	A+
85	0107-10	Lê Viết Tuấn	Bộ môn Giáo dục thể chất	A+
86	0107-12	Lã Ngọc Linh	Bộ môn Giáo dục thể chất	A+
87	0107-17	Trần Lan Hương	Bộ môn Giáo dục thể chất	A
88	0107-15	Nguyễn Huy Thông	Bộ môn Giáo dục thể chất	A+
89	0107-21	Vũ Thị Hương Giang	Bộ môn Giáo dục thể chất	B+
90	0107-19	Nguyễn Trường Đông	Bộ môn Giáo dục thể chất	A
91	0107-20	Chu Thị Hồng Hạnh	Bộ môn Giáo dục thể chất	A
92	0104-01	Trần Hồng Hải	Bộ môn Hình họa	A
93	0104-04	Lê Thị Thanh Hằng	Bộ môn Hình họa	A
94	0104-05	Vũ Hữu Tuyên	Bộ môn Hình họa	B+
95	0104-08	Đỗ Việt Anh	Bộ môn Hình họa	B+
96	0104-06	Hoàng Văn Tài	Bộ môn Hình họa	B+
97	0104-07	Phạm Thị Mai Anh	Bộ môn Hình họa	B+
98	0103-09	Nguyễn Thu Hà	Bộ môn Hóa	B+
99	0103-10	Đỗ Thị Hải	Bộ môn Hóa	B+
100	0103-12	Hà Mạnh Hùng	Bộ môn Hóa	A+
101	0103-16	Vũ Kim Thư	Bộ môn Hóa	A+
102	0103-21	Lê Thị Vinh	Bộ môn Hóa	A
103	0103-08	Nguyễn Mạnh Hà	Bộ môn Hóa	A
104	0103-06	Lê Thị Duyên	Bộ môn Hóa	A
105	0103-07	Nguyễn Đình Độ	Bộ môn Hóa	B+
106	0103-18	Lê Thị Phương Thảo	Bộ môn Hóa	A
107	0103-24	Vũ Thị Minh Hồng	Bộ môn Hóa	A
108	0103-13	Nguyễn Thị Thu Hiền	Bộ môn Hóa	B+
109	0103-20	Vũ Duy Thịnh	Bộ môn Hóa	A
110	0103-05	Phạm Tiến Dũng	Bộ môn Hóa	B+
111	0103-03	Công Tiến Dũng	Bộ môn Hóa	A+
112	0103-11	Võ Thị Hạnh	Bộ môn Hóa	B+

113	0103-25	Nguyễn Viết Hùng	Bộ môn Hóa	A+
114	0103-26	Nguyễn Thị Kim Thoa	Bộ môn Hóa	B+
115	0106-08	Cao Xuân Hiền	Bộ môn Ngoại ngữ	A
116	0405-19	Vũ Thái Linh	Bộ môn Ngoại ngữ	A
117	0106-07	Nguyễn Mộng Lân	Bộ môn Ngoại ngữ	A
118	0106-09	Trần Đình Thước	Bộ môn Ngoại ngữ	A
119	0106-11	Nguyễn Thị Thu Phúc	Bộ môn Ngoại ngữ	A
120	0106-15	Trương Thị Thanh Thủy	Bộ môn Ngoại ngữ	A+
121	0106-23	Đặng Thanh Mai	Bộ môn Ngoại ngữ	A
122	0106-13	Nguyễn Hồng Vân	Bộ môn Ngoại ngữ	A+
123	0106-12	Lê Thị Thúy Hà	Bộ môn Ngoại ngữ	A
124	0106-17	Nguyễn Thị Nguyệt ánh	Bộ môn Ngoại ngữ	A
125	0106-14	Dương Thúy Hường	Bộ môn Ngoại ngữ	A+
126	0106-16	Nguyễn Thị Thảo	Bộ môn Ngoại ngữ	A
127	0106-22	Vũ Thanh Tâm	Bộ môn Ngoại ngữ	A
128	0106-19	Nguyễn ánh Hoa	Bộ môn Ngoại ngữ	A
129	0106-20	Trịnh Thị Vân	Bộ môn Ngoại ngữ	A
130	0106-24	Nguyễn Đạo Lý Nhân Phúc	Bộ môn Ngoại ngữ	B+
131	0106-21	Nguyễn Thị Cúc	Bộ môn Ngoại ngữ	A+
132	0101-04	Nguyễn Văn Ngọc	Bộ môn Toán	A
133	0101-09	Nguyễn Thị Hằng	Bộ môn Toán	A+
134	0101-10	Đào Xuân Hưng	Bộ môn Toán	B+
135	0101-12	Nguyễn Thị Lan Hương	Bộ môn Toán	A+
136	0101-17	Phạm Tuấn Cường	Bộ môn Toán	A+
137	0101-11	Nguyễn Trường Thanh	Bộ môn Toán	A+
138	0101-18	Phạm Ngọc Anh	Bộ môn Toán	A
139	0101-21	Nguyễn Thị Kim Sơn	Bộ môn Toán	A
140	0101-25	Hoàng Ngự Huân	Bộ môn Toán	A+
141	0101-24	Lê Bích Phượng	Bộ môn Toán	A+
142		Hà Hữu Cao Trình	Bộ môn Toán	C
143	0101-22	Nguyễn Thế Lâm	Bộ môn Toán	A
144	0101-19	Nguyễn Thu Hằng	Bộ môn Toán	A
145	0101-20	Lê Thị Hương Giang	Bộ môn Toán	A
146	0101-23	Nguyễn Thị Hiền	Bộ môn Toán	A
147	0101-26	Nguyễn Thùy Linh	Bộ môn Toán	A+
148	0102-04	Vũ Bá Dũng	Bộ môn Vật lý	A
149	0102-01	Hồ Quỳnh Anh	Bộ môn Vật lý	B+
150	0102-10	Dư Thị Xuân Thảo	Bộ môn Vật lý	A
151	0102-11	Nguyễn Thị Diệu Thu	Bộ môn Vật lý	A
152	0102-13	Lê Đức Tuyên	Bộ môn Vật lý	A+

153	0102-07	Nguyễn Mạnh Hùng	Bộ môn Vật lý	A+
154	0102-15	Tổng Bá Tuấn	Bộ môn Vật lý	A
155	0102-06	Đỗ Thị Hồng Hải	Bộ môn Vật lý	A
156	0102-16	Đào Việt Thắng	Bộ môn Vật lý	A+
157	0102-03	Nguyễn Xuân Chung	Bộ môn Vật lý	B+
158	0102-14	Trần Thị Hà	Bộ môn Vật lý	A+
159	0102-17	Nguyễn Thị Hậu	Bộ môn Vật lý	A+
160	0401-06	Trần Thanh Hải	Bộ môn Địa chất	A+
161	0401-09	Nguyễn Quốc Hưng	Bộ môn Địa chất	A
162	0401-13	Ngô Xuân Thành	Bộ môn Địa chất	A+
163	0401-02	Ngô Thị Kim Chi	Bộ môn Địa chất	A
164	0401-21	Nguyễn Hữu Hiệp	Bộ môn Địa chất	A+
165	0401-18	Hoàng Đình Quế	Bộ môn Địa chất	B
166	0401-26	Bùi Vinh Hậu	Bộ môn Địa chất	B+
167	0401-24	Phan Văn Bình	Bộ môn Địa chất	B+
168	0405-05	Tô Xuân Vu	Bộ môn Địa chất công trình	A
169	0405-03	Lê Trọng Thắng	Bộ môn Địa chất công trình	A
170	0405-09	Phạm Minh Tuấn	Bộ môn Địa chất công trình	B+
171	0405-10	Bùi Trường Sơn	Bộ môn Địa chất công trình	A+
172	0405-11	Nguyễn Văn Phóng	Bộ môn Địa chất công trình	A+
173	0405-12	Nguyễn Thị Nụ	Bộ môn Địa chất công trình	A+
174	0405-14	Nhữ Việt Hà	Bộ môn Địa chất công trình	A+
175	0405-22	Nguyễn Thành Dương	Bộ môn Địa chất công trình	A+
176	0405-24	Nguyễn Văn Hùng	Bộ môn Địa chất công trình	A+
177	0406-03	Nguyễn Văn Lâm	Bộ môn Địa chất Thủy văn	A+
178	0406-06	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Bộ môn Địa chất Thủy văn	B+
179	0406-07	Dương Thị Thanh Thủy	Bộ môn Địa chất Thủy văn	B+
180	0406-09	Vũ Thu Hiền	Bộ môn Địa chất Thủy văn	B+
181	0406-10	Nguyễn Bách Thảo	Bộ môn Địa chất Thủy văn	A+
182	0406-11	Trần Vũ Long	Bộ môn Địa chất Thủy văn	A
183	0406-15	Đào Đức Bằng	Bộ môn Địa chất Thủy văn	A
184	0403-04	Lê Tiến Dũng	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa	A
185	0403-06	Nguyễn Khắc Giảng	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa	A
186	0403-01	Phạm Thị Vân Anh	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa	A
187		Phạm Trường Sinh	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa	B+
188	0403-16	Đặng Thị Vinh	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa	B+
189	0403-03	Tô Xuân Bản	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa	A+
190	0403-12	Nguyễn Trung Thành	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa	B+
191	0403-17	Lê Thị Ngọc Tú	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa	A
192	0402-03	Nguyễn Tiến Dũng	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	A+

193	0402-04	Lương Quang Khang	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	A+
194	0404-05	Lê Thị Thu	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	B+
195	0407-04	Tạ Thị Toán	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	B+
196	0402-06	Bùi Hoàng Bắc	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	A+
197	0402-07	Phan Viết Sơn	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	A
198	0402-08	Khương Thế Hùng	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	A+
199	0407-03	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	A+
200	0404-07	Hoàng Thị Thoa	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	B+
201	0407-08	Phạm Thị Thanh Hiền	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	B+
202	0402-11	Đỗ Mạnh An	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	A
203	0407-10	Nguyễn Khắc Du	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	B+
204	0402-15	Bùi Thanh Tịnh	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	A
205	3001-01	Phạm Quốc Đám	Khoa Giáo dục QP	A+
206	3001-03	Nguyễn Văn Quảng	Khoa Giáo dục QP	A
207	3001-05	Trần Bắc Bộ	Khoa Giáo dục QP	A+
208	3001-06	Hoàng Xuân Trường	Khoa Giáo dục QP	A+
209	3002-03	Trần Văn Độ	Khoa Giáo dục QP	A+
210	3002-04	Vũ Quang Hay	Khoa Giáo dục QP	A+
211	3002-05	Nguyễn Văn Phong	Khoa Giáo dục QP	A+
212	3002-06	Trần Thanh Hanh	Khoa Giáo dục QP	A
213	3002-09	Nghiêm Công Đĩnh	Khoa Giáo dục QP	B+
214	0303-35	Nguyễn Xuân Mãn	Bộ môn Kỹ thuật Xây dựng	A+
215	0303-08	Nguyễn Văn Mạnh	Bộ môn Kỹ thuật Xây dựng	A+
216	0303-26	Bùi Văn Đức	Bộ môn Kỹ thuật Xây dựng	A+
217	1002-02	Tăng Văn Lâm	Bộ môn Kỹ thuật Xây dựng	A+
218	0303-15	Phạm Thị Nhân	Bộ môn Kỹ thuật Xây dựng	A+
219	0303-01	Võ Trọng Hùng	Bộ môn Xây dựng CTN&M	A+
220	0303-05	Ngô Doãn Hào	Bộ môn Xây dựng CTN&M	A
221	0303-07	Đỗ Ngọc Anh	Bộ môn Xây dựng CTN&M	A+
222	0303-09	Đặng Trung Thành	Bộ môn Xây dựng CTN&M	A+
223	0303-17	Nguyễn Duyên Phong	Bộ môn Xây dựng CTN&M	A+
224	0303-10	Đặng Văn Kiên	Bộ môn Xây dựng CTN&M	A+
225	0303-12	Đào Viết Đoàn	Bộ môn Xây dựng CTN&M	A+
226	0303-11	Trần Tuấn Minh	Bộ môn Xây dựng CTN&M	A+
227	0303-20	Nguyễn Chí Thành	Bộ môn Xây dựng CTN&M	A
228	0303-19	Đỗ Ngọc Thái	Bộ môn Xây dựng CTN&M	A+
229	0405-04	Tạ Đức Thịnh	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở	A
230	0303-25	Hoàng Đình Phúc	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở	A
231	1003-04	Phạm Văn Hùng	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở	A+
232	0303-21	Vũ Minh Ngân	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở	A+

233	1003-02	Nguyễn Trọng Dũng	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở	A+
234	0303-24	Phạm Đức Thọ	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở	A+
235		Đặng Quang Huy	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở	KĐG
236	1003-05	Bùi Anh Thắng	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở	A+
237	0507-04	Đỗ Thị Phương Thảo	Bộ môn Bản đồ	A+
238	0507-06	Bùi Ngọc Quý	Bộ môn Bản đồ	A+
239	0507-05	Trần Quỳnh An	Bộ môn Bản đồ	A
240	0507-11	Phạm Văn Hiệp	Bộ môn Bản đồ	A
241	0507-07	Dương Anh Quân	Bộ môn Bản đồ	A
242	0507-08	Trần Thị Tuyết Vinh	Bộ môn Bản đồ	B+
243	0507-12	Nguyễn Văn Lợi	Bộ môn Bản đồ	B
244	0506-03	Trần Thùy Dương	Bộ môn Địa chính	A+
245	0506-04	Nguyễn Thị Dung	Bộ môn Địa chính	A
246	0506-05	Trần Đình Thành	Bộ môn Địa chính	B+
247	0506-09	Phạm Thị Kim Thoa	Bộ môn Địa chính	A
248	0506-06	Nguyễn Thị Kim Yến	Bộ môn Địa chính	A
249	0506-07	Nguyễn Thế Công	Bộ môn Địa chính	A
250	0506-08	Phạm Thế Huynh	Bộ môn Địa chính	A
251	0506-12	Đinh Hải Nam	Bộ môn Địa chính	B+
252	0506-10	Đặng Thị Hoàng Nga	Bộ môn Địa chính	B+
253	0506-13	Trần Xuân Miên	Bộ môn Địa chính	A
254	0506-14	Phùng Minh Sơn	Bộ môn Địa chính	B+
255	0503-02	Trần Đình Trí	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám	A
256	0503-04	Trần Văn Anh	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám	A+
257	0503-13	Trần Xuân Trường	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám	A+
258	0503-15	Nguyễn Văn Trung	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám	A
259	0503-05	Trần Trung Anh	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám	A
260	0503-10	Trần Thanh Hà	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám	A+
261	0503-07	Trần Hồng Hạnh	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám	A
262	0503-17	Lê Thanh Nghị	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám	A
263	0503-19	Phạm Thị Thanh Hòa	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám	A
264	0502-08	Dương Văn Phong	Bộ môn Trắc địa Cao cấp	A+
265	0502-09	Nguyễn Văn Sáng	Bộ môn Trắc địa Cao cấp	A+
266	0502-14	Nguyễn Gia Trọng	Bộ môn Trắc địa Cao cấp	A
267	0502-11	Lê Thị Thanh Tâm	Bộ môn Trắc địa Cao cấp	B+
268	0502-17	Phạm Ngọc Quang	Bộ môn Trắc địa Cao cấp	B+
269	0501-01	Trần Khánh	Bộ môn Trắc địa Công trình	A
270	0501-03	Nguyễn Quang Phúc	Bộ môn Trắc địa Công trình	B+
271	0501-02	Nguyễn Quang Thắng	Bộ môn Trắc địa Công trình	A
272	0501-04	Trần Viết Tuấn	Bộ môn Trắc địa Công trình	A

273	0501-07	Nguyễn Việt Hà	Bộ môn Trắc địa Công trình	A+
274	0501-08	Đinh Thị Lệ Hà	Bộ môn Trắc địa Công trình	B+
275	0501-10	Lê Đức Tình	Bộ môn Trắc địa Công trình	A
276	0501-09	Phạm Quốc Khánh	Bộ môn Trắc địa Công trình	A+
277	0501-11	Nguyễn Hà	Bộ môn Trắc địa Công trình	A
278	0501-14	Nguyễn Thị Kim Thanh	Bộ môn Trắc địa Công trình	A
279	0501-15	Trần Thùy Linh	Bộ môn Trắc địa Công trình	A
280	0505-03	Vương Trọng Kha	Bộ môn Trắc địa Mỏ	A
281	0505-04	Phạm Công Khải	Bộ môn Trắc địa Mỏ	A+
282	0505-05	Lê Thị Thu Hà	Bộ môn Trắc địa Mỏ	A+
283	0505-08	Võ Ngọc Dũng	Bộ môn Trắc địa Mỏ	A
284	0505-07	Nguyễn Quốc Long	Bộ môn Trắc địa Mỏ	A+
285	0505-10	Phạm Văn Chung	Bộ môn Trắc địa Mỏ	A+
286	0505-06	Nguyễn Việt Nghĩa	Bộ môn Trắc địa Mỏ	A+
287	0505-09	Phạm Thị Lân	Bộ môn Trắc địa Mỏ	A+
288	0505-30	Cao Xuân Cường	Bộ môn Trắc địa Mỏ	A
289	0505-11	Lê Văn Cảnh	Bộ môn Trắc địa Mỏ	A+
290	0504-02	Đinh Công Hòa	Bộ môn Trắc địa Phổ thông	B+
291	0504-01	Hoàng Ngọc Hà	Bộ môn Trắc địa Phổ thông	A
292	0504-03	Nguyễn Quang Minh	Bộ môn Trắc địa Phổ thông	A
293	0504-09	Hoàng Anh Tuấn	Bộ môn Trắc địa Phổ thông	B
294	0504-06	Hoàng Thị Thủy	Bộ môn Trắc địa Phổ thông	A
295	0504-10	Lưu Anh Tuấn	Bộ môn Trắc địa Phổ thông	A
296	0504-07	Dương Thành Trung	Bộ môn Trắc địa Phổ thông	A
297	0504-08	Nguyễn Thị Thu Hương	Bộ môn Trắc địa Phổ thông	B+
298	0504-14	Lê Ngọc Giang	Bộ môn Trắc địa Phổ thông	B+
299	0302-05	Trần Văn Thanh	Bộ môn Khai thác hầm lò	A
300	0302-09	Nguyễn Cao Khải	Bộ môn Khai thác hầm lò	A+
301	0302-10	Đỗ Anh Sơn	Bộ môn Khai thác hầm lò	B+
302	0302-11	Vũ Trung Tiến	Bộ môn Khai thác hầm lò	A+
303	0302-17	Bùi Mạnh Tùng	Bộ môn Khai thác hầm lò	A+
304	0302-12	Phạm Đức Hưng	Bộ môn Khai thác hầm lò	A
305	0302-13	Đào Văn Chi	Bộ môn Khai thác hầm lò	A+
306	0302-14	Nguyễn Phi Hùng	Bộ môn Khai thác hầm lò	A+
307	0302-18	Nguyễn Văn Thịnh	Bộ môn Khai thác hầm lò	A+
308	0302-15	Đặng Quang Hưng	Bộ môn Khai thác hầm lò	B+
309	0302-19	Nguyễn Hồng Cường	Bộ môn Khai thác hầm lò	B+
310	0302-16	Lê Tiến Dũng	Bộ môn Khai thác hầm lò	A+
311	0302-24	Vũ Thái Tiến Dũng	Bộ môn Khai thác hầm lò	A
312	0302-21	Nguyễn Văn Quang	Bộ môn Khai thác hầm lò	A+

313	0302-23	Đặng Phương Thảo	Bộ môn Khai thác hầm lò	B+
314	0301-06	Lê Thị Thu Hoa	Bộ môn Khai thác lộ thiên	A
315	0301-04	Bùi Xuân Nam	Bộ môn Khai thác lộ thiên	A+
316	0301-09	Nguyễn Đình An	Bộ môn Khai thác lộ thiên	A
317	0301-07	Phạm Văn Hòa	Bộ môn Khai thác lộ thiên	A+
318	0301-10	Vũ Đình Hiếu	Bộ môn Khai thác lộ thiên	B+
319	0301-11	Nguyễn Anh Tuấn	Bộ môn Khai thác lộ thiên	A+
320	0301-14	Trần Quang Hiếu	Bộ môn Khai thác lộ thiên	A+
321	0301-15	Lê Quý Thảo	Bộ môn Khai thác lộ thiên	A
322	0301-16	Phạm Văn Việt	Bộ môn Khai thác lộ thiên	A
323	0301-17	Trần Đình Bảo	Bộ môn Khai thác lộ thiên	B+
324	0301-20	Nguyễn Hoàng	Bộ môn Khai thác lộ thiên	A+
325	0305-04	Nguyễn Viết Thắng	Bộ môn Sức bền vật liệu	A
326	0305-05	Nguyễn Như Hùng	Bộ môn Sức bền vật liệu	A
327	0305-07	Đỗ Ngọc Tú	Bộ môn Sức bền vật liệu	A
328	0305-11	Đinh Thị Thu Hà	Bộ môn Sức bền vật liệu	A
329	0305-10	Trần Mạnh Tiến	Bộ môn Sức bền vật liệu	A+
330	0304-05	Nguyễn Ngọc Phú	Bộ môn Tuyển khoáng	A+
331	0304-04	Nguyễn Hoàng Sơn	Bộ môn Tuyển khoáng	A+
332	0304-06	Nhữ Thị Kim Dung	Bộ môn Tuyển khoáng	A+
333	0304-07	Phạm Văn Luận	Bộ môn Tuyển khoáng	A+
334	0304-08	Vũ Thị Chinh	Bộ môn Tuyển khoáng	A+
335	0304-09	Trần Trung Tới	Bộ môn Tuyển khoáng	A+
336	0304-15	Trần Văn Được	Bộ môn Tuyển khoáng	A+
337	0304-14	Phạm Thị Nhung	Bộ môn Tuyển khoáng	A
338	0304-13	Phùng Tiến Thuật	Bộ môn Tuyển khoáng	B+
339	0203-05	Lê Quốc Hiệp	Bộ môn Kinh tế chính trị và Lịch sử đ	A+
340	0203-03	Nguyễn Thị Thu Hương	Bộ môn Kinh tế chính trị và Lịch sử đ	A+
341	0203-02	Đặng Thị Thanh Trâm	Bộ môn Kinh tế chính trị và Lịch sử đ	A+
342	0201-08	Phí Mạnh Phong	Bộ môn Kinh tế chính trị và Lịch sử đ	A+
343	0203-04	Nguyễn Thị Thúy Hà	Bộ môn Kinh tế chính trị và Lịch sử đ	A+
344	0203-06	Nguyễn Tuấn Vương	Bộ môn Kinh tế chính trị và Lịch sử đ	A+
345	0204-01	Dương Thị Tuyết Nhung	Bộ môn Triết học và Pháp luật	A
346	0201-10	Nguyễn Thi Phương	Bộ môn Triết học và Pháp luật	A+
347	0201-09	Trần Thị Lan Hương	Bộ môn Triết học và Pháp luật	A+
348	0201-12	Bùi Thị Thùy Dương	Bộ môn Triết học và Pháp luật	B+
349	0201-13	Ngô Văn Hường	Bộ môn Triết học và Pháp luật	A+
350	0201-14	Đào Thị Tuyết	Bộ môn Triết học và Pháp luật	A
351	0201-15	Nguyễn Lê Hà Giang	Bộ môn Triết học và Pháp luật	A
352	0202-04	Nguyễn Thị Kim Dung	Bộ môn Tư tưởng HCM&CNXHKH	A+

353	0202-03	Trần Thị Phúc An	Bộ môn Tư tưởng HCM&CNXHKKH	A+
354	0202-05	Đỗ Thị Vân Hà	Bộ môn Tư tưởng HCM&CNXHKKH	A+
355	0202-06	Lê Thị Yến	Bộ môn Tư tưởng HCM&CNXHKKH	A+
356	0602-05	Nguyễn Thị Minh Hồng	Bộ môn Địa chất dầu	B+
357	0602-06	Phạm Văn Tuấn	Bộ môn Địa chất dầu	A+
358	0602-08	Lê Ngọc ánh	Bộ môn Địa chất dầu	A
359	0602-10	Nguyễn Duy Mười	Bộ môn Địa chất dầu	B+
360	0602-13	Nguyễn Minh Hòa	Bộ môn Địa chất dầu	A
361	0602-12	Bùi Thị Ngân	Bộ môn Địa chất dầu	A
362	0601-09	Phan Thiên Hương	Bộ môn Địa vật lý	A+
363	0601-07	Kiều Duy Thông	Bộ môn Địa vật lý	A+
364	0601-08	Trần Danh Hùng	Bộ môn Địa vật lý	A+
365	0601-13	Dương Văn Hào	Bộ môn Địa vật lý	A+
366	0601-14	Vũ Hồng Dương	Bộ môn Địa vật lý	B+
367	0604-02	Trần Đình Kiên	Bộ môn Khoan - Khai thác	A
368	0604-04	Vũ Thiết Thạch	Bộ môn Khoan - Khai thác	A
369	0604-05	Nguyễn Thế Vinh	Bộ môn Khoan - Khai thác	A+
370	0604-13	Nguyễn Trần Tuấn	Bộ môn Khoan - Khai thác	A+
371	0604-07	Lê Quang Duyệt	Bộ môn Khoan - Khai thác	A+
372	0604-09	Doãn Thị Trâm	Bộ môn Khoan - Khai thác	A
373	0604-12	Nguyễn Văn Thành	Bộ môn Khoan - Khai thác	A
374	0604-19	Nguyễn Tiến Hùng	Bộ môn Khoan - Khai thác	A+
375	0604-17	Trương Văn Từ	Bộ môn Khoan - Khai thác	A+
376	0604-16	Nguyễn Khắc Long	Bộ môn Khoan - Khai thác	A+
377	0603-12	Bùi Thị Lệ Thủy	Bộ môn Lọc hóa dầu	A+
378	0603-06	Tổng Thị Thanh Hương	Bộ môn Lọc hóa dầu	A+
379	0603-09	Phạm Xuân Núi	Bộ môn Lọc hóa dầu	A+
380	0603-11	Công Ngọc Thắng	Bộ môn Lọc hóa dầu	A+
381	0603-08	Nguyễn Thị Linh	Bộ môn Lọc hóa dầu	A+
382	0603-13	Vũ Văn Toàn	Bộ môn Lọc hóa dầu	A+
383	0603-05	Ngô Thanh Hải	Bộ môn Lọc hóa dầu	B+
384	0603-07	Phạm Trung Kiên	Bộ môn Lọc hóa dầu	A+
385	0603-14	Ngô Hà Sơn	Bộ môn Lọc hóa dầu	A+
386	0605-02	Nguyễn Văn Giáp	Bộ môn Thiết bị dầu khí và CT	B+
387	0605-03	Lê Đức Vinh	Bộ môn Thiết bị dầu khí và CT	A+
388	0605-04	Nguyễn Văn Thịnh	Bộ môn Thiết bị dầu khí và CT	A+
389	0605-11	Hoàng Anh Dũng	Bộ môn Thiết bị dầu khí và CT	A+
390	0605-09	Triệu Hùng Trường	Bộ môn Thiết bị dầu khí và CT	A+
391	0605-07	Nguyễn Thị Hải Yến	Bộ môn Thiết bị dầu khí và CT	B+
392	0605-08	Nguyễn Thanh Tuấn	Bộ môn Thiết bị dầu khí và CT	A+

393	0901-02	Nguyễn Hanh Tiến	Bộ môn Điện khí hóa	A
394	0901-04	Lê Xuân Thành	Bộ môn Điện khí hóa	A+
395	0901-09	Ngô Thanh Tuấn	Bộ môn Điện khí hóa	A+
396	0901-05	Phạm Trung Sơn	Bộ môn Điện khí hóa	A+
397	0901-10	Hồ Việt Bun	Bộ môn Điện khí hóa	A+
398	0901-08	Đỗ Như ý	Bộ môn Điện khí hóa	A+
399	0901-11	Nguyễn Thị Bích Hậu	Bộ môn Điện khí hóa	A
400	0904-19	Đoàn Kim Bình	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	A
401	0904-06	Nguyễn Văn Tuệ	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	B+
402	0904-03	Nguyễn Văn Lại	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	B+
403	0904-07	Phạm Đức Thiên	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	A
404	0904-05	Phạm Thị Thủy	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	A
405	0904-12	Bùi Minh Hoàng	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	A
406	0904-14	Nguyễn Thanh Tùng	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	A+
407	0904-17	Trần Đức Huân	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	A+
408	0305-02	Phạm Tuấn Long	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	B+
409	0904-18	Nguyễn Sơn Tùng	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	A+
410	0903-06	Kim Ngọc Linh	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử	A+
411	0903-07	Đinh Văn Thắng	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử	A
412	0903-08	Cung Quang Khang	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử	A
413	0903-09	Nguyễn Thạc Khánh	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử	A+
414	0903-10	Nguyễn Trường Giang	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử	A
415	0903-13	Kim Thị Cẩm ánh	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử	A
416	0903-15	Hà Thị Chúc	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử	A
417	0903-18	Nguyễn Tiến Sỹ	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử	A+
418	0903-17	Tổng Ngọc Anh	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử	A
419	0905-02	Đoàn Văn Giáp	Bộ môn Máy và Thiết bị Công nghiệp	A
420	0905-08	Phạm Văn Tiến	Bộ môn Máy và Thiết bị Công nghiệp	A
421	0905-03	Nguyễn Đăng Tấn	Bộ môn Máy và Thiết bị CN	A+
422	0904-09	Nguyễn Văn Xô	Bộ môn Máy và Thiết bị CN	A+
423	0905-15	Nguyễn Thế Hoàng	Bộ môn Máy và Thiết bị CN	A
424	0905-14	Trần Viết Linh	Bộ môn Máy và Thiết bị CN	A+
425	0902-03	Phan Minh Tạo	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ &DK	A
426	0902-04	Nguyễn Chí Tình	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ &DK	A
427	0902-07	Đặng Văn Chí	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ &DK	A+
428	0902-05	Nguyễn Đức Khoát	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ &DK	A+
429	0902-08	Khổng Cao Phong	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ &DK	A+
430	0902-09	Phạm Minh Hải	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ &DK	A
431	0902-15	Thái Hải Âu	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ &DK	B+
432	0902-11	Phạm Thị Thanh Loan	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ &DK	A+

433		Nguyễn Thanh Lịch	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ &DK	C
434	0902-12	Uông Quang Tuyền	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ &DK	A
435	0902-14	Đào Hiếu	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ &DK	A+
436	0902-19	Nguyễn Thế Lực	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ &DK	A+
437	0801-01	Lê Văn Hưng	Bộ môn Công nghệ phần mềm	A+
438	0801-04	Phạm Văn Đồng	Bộ môn Công nghệ phần mềm	A
439	0801-02	Nguyễn Thế Lộc	Bộ môn Công nghệ phần mềm	A+
440	0801-14	Hồ Thị Thảo Trang	Bộ môn Công nghệ phần mềm	A+
441	0801-06	Hoàng Anh Đức	Bộ môn Công nghệ phần mềm	A+
442	0801-10	Nguyễn Thị Hữu Phương	Bộ môn Công nghệ phần mềm	A+
443	0801-13	Nguyễn Thị Thanh	Bộ môn Công nghệ phần mềm	A
444	0804-04	Phạm Đức Hậu	Bộ môn Hệ thống thông tin và TT	A
445	0802-02	Đặng Hữu Nghị	Bộ môn Hệ thống thông tin và TT	A
446	0802-13	Bùi Thị Vân Anh	Bộ môn Hệ thống thông tin và TT	A
447	0802-03	Dương Chí Thiện	Bộ môn Hệ thống thông tin và TT	B+
448	0802-04	Tạ Quang Chiêu	Bộ môn Hệ thống thông tin và TT	A+
449	0802-10	Vương Thị Như Quỳnh	Bộ môn Hệ thống thông tin và TT	A
450	0802-07	Đào Thị Thu Vân	Bộ môn Hệ thống thông tin và TT	A+
451	0802-09	Vũ Lan Phương	Bộ môn Hệ thống thông tin và TT	A+
452	0805-04	Nông Thị Oanh	Bộ môn Khoa học máy tính	A+
453	0805-03	Nguyễn Thùy Dương	Bộ môn Khoa học máy tính	A
454	0805-05	Nguyễn Duy Huy	Bộ môn Khoa học máy tính	A+
455	0805-06	Nguyễn Thị Phương Bắc	Bộ môn Khoa học máy tính	A
456	0805-07	Lê Hồng Anh	Bộ môn Khoa học máy tính	A+
457	0805-08	Đặng Văn Nam	Bộ môn Khoa học máy tính	A+
458	0802-05	Đỗ Như Hải	Bộ môn Mạng máy tính	A
459	0801-07	Đào Anh Thư	Bộ môn Mạng máy tính	A+
460	0801-15	Phạm Đình Tân	Bộ môn Mạng máy tính	A+
461	0802-11	Trần Thị Thu Thúy	Bộ môn Mạng máy tính	A+
462	0801-09	Diêm Công Hoàng	Bộ môn Mạng máy tính	A+
463	0802-14	Đặng Quốc Trung	Bộ môn Mạng máy tính	A
464	0804-01	Trương Xuân Luận	Bộ môn Tin học Địa chất	A
465	0804-11	Phạm An Cường	Bộ môn Tin học Địa chất	A
466	0804-05	Dương Thị Tâm	Bộ môn Tin học Địa chất	B+
467	0804-07	Ngô Hùng Long	Bộ môn Tin học Địa chất	B+
468	0804-08	Nguyễn Thị Hải Yến	Bộ môn Tin học Địa chất	A
469	0804-12	Trương Xuân Bình	Bộ môn Tin học Địa chất	A
470	0806-01	Lê Thanh Huệ	Bộ môn Tin học Kinh tế	A
471	0806-02	Dương Thị Hiền Thanh	Bộ môn Tin học Kinh tế	A+
472	0806-06	Võ Thị Thu Trang	Bộ môn Tin học Kinh tế	B+

473	0806-05	Phạm Thị Nguyệt	Bộ môn Tin học Kinh tế	A
474	0806-03	Nguyễn Thu Hằng	Bộ môn Tin học Kinh tế	B+
475	0806-07	Nguyễn Thế Bình	Bộ môn Tin học Kinh tế	A
476	0806-08	Phạm Quang hiền	Bộ môn Tin học Kinh tế	A
477	0803-01	Nguyễn Trường Xuân	Bộ môn Tin học Trắc địa	A+
478	0803-02	Trần Trung Chuyên	Bộ môn Tin học Trắc địa	A+
479	0803-03	Nguyễn Quang Khánh	Bộ môn Tin học Trắc địa	B+
480	0803-08	Ngô Thị Phương Thảo	Bộ môn Tin học Trắc địa	A
481	0803-05	Nguyễn Thị Mai Dung	Bộ môn Tin học Trắc địa	A+
482	0803-07	Trần Mai Hương	Bộ môn Tin học Trắc địa	B+
483	0803-11	Nguyễn Hoàng Long	Bộ môn Tin học Trắc địa	A+
484	0803-14	Đinh Bảo Ngọc	Bộ môn Tin học Trắc địa	A